ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:4893 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày* 15 *tháng* 11 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa giải quyết thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết, có Phụ lục đính kèm*).

Điều 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đặc khu, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, N.T.An.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Thủ tục: Thu hồi đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai (cấp tỉnh)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đối với trường hợp cá nhân sử dụng đất chết mà không có người nhận thừa kế sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật dân sự, khi nộp hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác thông tin Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; không yêu cầu nộp bản giấy nếu thông tin đầy đủ.

Đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn sử dụng đất, khi nộp hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai/Cơ sở dữ liệu đất đai không yêu cầu nộp bản giấy đối với giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu.

Các thành phần hồ sơ: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã có hiệu lực pháp luật đối với trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; Văn bản chấm dứt dự án đầu tư đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Văn bản thu hồi rừng đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp đã bị thu hồi rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đối với trường hợp thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người hoặc không còn khả năng tiếp tục sử dụng được cơ quan quản lý nhà nước khai thác trên Hệ thống quản lý văn bản điện tử và không yêu cầu nộp bản giấy.

Lý do: Việc chủ động khai thác, tra cứu và đối soát thông tin của hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ các cơ sở dữ liệu góp phần cắt giảm giấy tờ phải nộp, hạn chế tình trạng yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin đã có, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ và thúc đẩy chuyển đổi số.

Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa có, chưa đầy đủ hoặc không thể khai thác, đối soát được, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị công bố sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.378.460 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.308.900 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 1.069.560 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,77%.

2. Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Đối với trường hợp cá nhân sử dụng đất chết mà không có người nhận thừa kế sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật dân sự, khi nộp hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác thông tin Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; không yêu cầu nộp bản giấy nếu thông tin đầy đủ.

Đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn sử dụng đất, khi nộp hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động khai thác thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai/Cơ sở dữ liệu đất đai không yêu cầu nộp bản giấy đối với giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu.

Các thành phần hồ sơ: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã có hiệu lực pháp luật đối với trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; Văn bản chấm dứt dự án đầu tư đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Văn bản thu hồi rừng đối với trường hợp thu hồi đất trong trường hợp đã bị thu hồi rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đối với trường hợp thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người hoặc không còn khả năng tiếp tục sử dụng được cơ quan quản lý nhà nước khai thác trên Hệ thống quản lý văn bản điện tử và không yêu cầu nộp bản giấy.

Lý do Việc chủ động khai thác, tra cứu và đối soát thông tin của hồ sơ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ các cơ sở dữ liệu góp phần cắt giảm giấy

tờ phải nộp, hạn chế tình trạng yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin đã có, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ và thúc đẩy chuyển đổi số.

Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa có, chưa đầy đủ hoặc không thể khai thác, đối soát được, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung theo quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị công bố sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.948.150 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.380.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.567.900 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,77%.